

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Dương Công Hiếu;

2. Bà Vi Thị Hiệu.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; cư trú tại: Số A, khu C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Ma Xuân D, sinh năm 1987; cư trú tại: Khu A, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/10/2023, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cho theo phong tục địa phương vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 11/10/2013. Sau khi kết hôn hai vợ

chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Ma Xuân D không chịu tu chí làm ăn, cuộc sống khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, có lúc xảy ra xô xát đánh nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị Nguyễn Thị T đã cho anh Ma Xuân D cơ hội nhưng anh Ma Xuân D vẫn không thay đổi. Đến tháng 8/2020 chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Ma Xuân D đã bỏ về nhà bà Ma Thị Ngân là cô ruột của anh Ma Xuân D tại thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để sinh sống. Sau khi ly thân không ai quan tâm đến ai, không liên lạc gì với nhau. Nay chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với anh Ma Xuân D. Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên là Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Ma Gia H vẫn sống cùng với chị Nguyễn Thị T và mẹ đẻ chị là bà Trần Thị H, cuộc sống được đảm bảo. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Ma Xuân D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị Nguyễn Thị T đang làm tự do, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng, đảm bảo nuôi con chung và có mẹ đẻ là bà Trần Thị H hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D không có tài sản chung. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D không vay nợ ai.

Ngày 03/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình ra Quyết định uỷ thác thu thập tài liệu chứng cứ số 03/2023/QĐ-UTTA cho Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, kết quả: Anh Ma Xuân D, sinh năm 1987 hiện nay không cư trú tại nhà bà Ma Thị N tại thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và bà Ma Thị N không rõ hiện nay anh Ma Xuân D ở đâu và làm gì.

Ngày 12/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình tiến hành xác minh tại khu 5A, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, kết quả: Anh Ma Xuân D là công dân sinh sống và có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu A, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình sinh sống thấy chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D mới đầu chung sống bình thường, nhưng sau đó do làm ăn không thành nên cách đây khoảng 03 (ba) năm chị Nguyễn Thị T về nhà mẹ đẻ sinh sống tại khu C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, còn anh Ma Xuân D đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương. Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D có 01 (một) người con chung cháu tên là Ma Gia H, sinh năm 2013 đang sinh sống cùng chị Nguyễn Thị T tại khu B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 16/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình tiến hành lấy lời khai của cháu Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013, cháu Ma Gia H trình bày: Hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ cháu tên là Nguyễn Thị T và bà ngoại cháu tên là Trần Thị H, cháu được chăm sóc đầy đủ. Khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ cháu là Nguyễn Thị T.

Ngày 27/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình tiến hành xác minh tại nhà của bà Trần Thị H, số nhà A, khu B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, kết quả: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D kết hôn vào năm 2013, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu A, thị trấn N,

huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình sinh sống anh Ma Xuân D ham chơi, không chịu tu chí làm ăn nên hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ năm 2020 chị Nguyễn Thị T về nhà bà sinh sống cho đến nay, còn anh Ma Xuân D đi làm ăn nhưng không biết ở đâu, thỉnh thoảng có về nhà bà để thăm con chung là cháu Ma Gia H.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Ma Xuân D không tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ma Xuân D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D có kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 11/10/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có cãi chửi, xô xát đánh nhau, nguyên nhân do anh Ma Xuân D không chịu tu chí làm ăn, cuộc sống khó khăn. Chị Nguyễn Thị T đã cho anh Ma Xuân D cơ hội nhưng anh Ma Xuân D vẫn không thay đổi. Đến tháng 8/2020 chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D không ai quan tâm và liên lạc gì với nhau. Chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Ma Xuân D là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ma Xuân D. Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên là Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013, cháu Ma Gia H vẫn sống cùng với chị Nguyễn Thị T và bà Trần Thị H là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, cuộc sống được đảm bảo. Nguyễn Thị T có chỗ ở, có việc làm và thu nhập, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ma Xuân D cấp dưỡng nuôi con. Anh Ma Xuân D đi làm ăn xa thỉnh thoảng về thăm con, không có căn cứ chứng minh nguồn thu nhập, không tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc nuôi con chung. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013, cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; anh Ma Xuân D chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T chưa yêu cầu. Anh Ma Xuân D có

quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ma Xuân D đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn niêm yết công khai các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ma Xuân D cư trú tại khu 5A, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11/10/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nguyên nhân do anh Ma Xuân D ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, chị Nguyễn Thị T đã cho anh Ma Xuân D cơ hội nhưng anh Ma Xuân D vẫn không thay đổi. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ma Xuân D có 01 con chung cháu tên là Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013, hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị T. Cháu Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013 có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng chị Nguyễn Thị T. Xét thấy, chị Nguyễn Thị T có việc làm, có thu nhập và được gia đình mẹ đẻ giúp đỡ về chỗ ở và hỗ trợ nuôi con nên chị Nguyễn Thị T đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, cần giao con chung là cháu Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Ma Xuân D chưa phải cấp

dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T chưa yêu cầu. Anh Ma Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ma Xuân D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2013, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 11/10/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Ma Gia H, sinh ngày 06/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Ma Xuân D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T chưa yêu cầu.

Anh Ma Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005298 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang